

**Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng
Bình Dương**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 45

SIÊU
CỔ
CỔ
KHC
VÀ
BỊ
TUA II

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700148825 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán KSB theo Quyết định số 164/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 20 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Hoàng Nguyễn Bình	Thành viên	
Ông Trần Đình Hà	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Ngọc Đình	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2021
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên	

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Nguyễn Bình	Chủ tịch	bỏ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Đình Vũ Long	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Nguyễn Bình	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Đình Vũ Long	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoành Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2021

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Tấn Đạt.

Ông Trần Đình Hà được Ông Phan Tấn Đạt ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 12/GUQ-KS ngày 1 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

5.0
PHAN
TAN
D
NG
BINH D

2021

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Trần Đình Hà
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021



Số tham chiếu: 61602176/22729483/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.000.417.408.480	1.319.202.248.819
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	58.071.159.433	142.780.107.203
111	1. Tiền		28.071.159.433	132.259.922.253
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	10.520.184.950
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		914.799.393.646	1.127.315.451.912
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	132.987.179.277	117.941.236.196
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.981.698.932	2.239.049.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	157.461.089.890	137.461.089.890
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	669.919.593.143	919.739.878.836
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(51.550.167.596)	(50.065.802.010)
140	III. Hàng tồn kho	10	22.904.221.086	42.943.387.727
141	1. Hàng tồn kho		22.904.221.086	42.943.387.727
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.642.634.315	6.163.301.977
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.642.634.315	5.071.535.114
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	1.091.766.863
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.606.019.501.850	1.380.483.007.800
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		355.254.939.342	31.055.139.053
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	15.600.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	339.654.939.342	31.055.139.053
220	II. Tài sản cố định		106.211.278.356	117.009.335.883
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	51.218.172.341	57.207.181.538
222	Nguyên giá		185.214.741.649	200.462.100.887
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(133.996.569.308)	(143.254.919.349)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	54.655.796.885	59.371.768.049
225	Nguyên giá		83.384.228.306	83.384.228.306
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(28.728.431.421)	(24.012.460.257)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	337.309.130	430.386.296
228	Nguyên giá		1.742.942.990	1.742.942.990
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.405.633.860)	(1.312.556.694)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	22.750.068.578	24.129.427.034
231	1. Nguyên giá		67.446.450.967	67.446.450.967
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(44.696.382.389)	(43.317.023.933)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		488.845.314.731	564.197.825.543
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	488.845.314.731	564.197.825.543
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	17	515.859.084.899	518.315.422.581
251	1. Đầu tư vào các công ty con		493.803.700.000	493.803.700.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		53.000.000.000	53.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(30.944.615.101)	(28.488.277.419)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		117.098.815.944	125.775.857.706
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	111.102.820.254	119.301.539.681
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	5.995.995.690	6.474.318.025
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.606.436.910.330	2.699.685.256.619


325-
TY
V
AN
NG
16
NH P

11
NC
HIỆP
T &
T
P I

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.148.213.718.037	1.306.497.852.868
310	I. Nợ ngắn hạn		297.671.144.142	518.615.503.902
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	20.918.545.286	23.723.520.383
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.153.787.918	947.094.632
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	38.946.770.462	35.735.683.256
314	4. Phải trả người lao động		2.454.712.371	2.979.703.396
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	17.714.307.818	30.936.731.543
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	42.037.130.627	16.513.073.315
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	112.089.609.190	348.972.408.652
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	62.356.280.470	58.807.288.725
330	II. Nợ dài hạn		850.542.573.895	787.882.348.966
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	195.651.462.395	466.895.402.704
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	626.757.794.187	292.713.807.289
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	24	28.133.317.313	28.273.138.973
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.458.223.192.293	1.393.187.403.751
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.458.223.192.293	1.393.187.403.751
411	1. Vốn cổ phần		669.684.780.000	669.684.780.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		669.684.780.000	669.684.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.658.500	1.658.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.354.000.000)	(3.354.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		155.837.803.793	143.065.833.039
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		636.052.950.000	583.789.132.212
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		575.827.401.311	383.095.463.580
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		60.225.548.689	200.693.668.632
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.606.436.910.330	2.699.685.256.619


Lương Trọng Tín
Người lập


Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng



Trần Đình Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	392.699.229.181	514.654.832.642
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	(20.188.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	392.699.229.181	514.634.644.642
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27, 30	(259.161.317.537)	(316.570.971.027)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		133.537.911.644	198.063.673.615
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	58.000.087.953	8.132.983.746
22	7. Chi phí tài chính	28	(51.605.423.055)	(51.077.527.562)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(49.149.085.373)	(48.456.097.807)
25	8. Chi phí bán hàng	29, 30	(15.324.243.233)	(17.024.453.411)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29, 30	(21.382.212.439)	(27.695.540.716)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		103.226.120.870	110.399.135.672
31	11. Thu nhập khác		7.855.338.413	6.616.061.714
32	12. Chi phí khác		(6.147.573.817)	(5.886.414.212)
40	13. Lợi nhuận khác		1.707.764.596	729.647.502
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.933.885.466	111.128.783.174
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(10.770.702.766)	(22.208.798.892)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	(478.322.335)	(78.157.114)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		93.684.860.365	88.841.827.168


Lương Trọng Tín
Người lập


Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng




Trần Đình Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		104.933.885.466	111.128.783.174
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	12, 13, 14, 15	88.946.500.201	94.057.337.039
03	Các khoản dự phòng		3.800.881.608	6.428.438.952
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(59.087.988.854)	(8.132.983.746)
06	Chi phí lãi vay	28	49.149.085.373	48.456.097.807
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		187.742.363.794	251.937.673.226
09	Tăng các khoản phải thu		(9.063.575.466)	(86.607.109.828)
10	Giảm hàng tồn kho		20.039.166.641	18.674.769.596
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(234.445.070.988)	389.875.957.764
12	Giảm chi phí trả trước		9.124.288.008	19.799.842.964
14	Tiền lãi vay đã trả		(57.247.598.835)	(48.981.691.364)
15	Thuế TNDN đã nộp	19	(21.375.906.711)	(7.995.289.828)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	23	(17.748.080.078)	(22.830.803.396)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(122.974.413.635)	513.873.349.134
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(3.594.462.049)	(25.765.561.515)
23	Tiền chi cho vay		(20.000.000.000)	(1.900.000.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(318.656.000.000)	(50.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		291.750.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		1.893.328.173	543.010.732
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(48.607.133.876)	(77.122.550.783)

014
 NG
 PH
 NG
 4Y
 100
 2-1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	22	434.480.926.420	390.045.382.797
34	Tiền trả nợ gốc vay		(340.944.076.203)	(575.921.378.242)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(6.664.250.476)	(6.664.250.476)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		86.872.599.741	(192.540.245.921)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(84.708.947.770)	244.210.552.430
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		142.780.107.203	79.988.155.559
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	58.071.159.433	324.198.707.989


Lương Trọng Tín
Người lập


Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng




Trần Đình Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

82
FY
ON
SÀI
/NH
NG
/HH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700148825 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán KSB theo Quyết định số 164/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 20 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cụm công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty đối với hoạt động kinh doanh khoáng sản là 12 tháng và hoạt động đầu tư các dự án cho thuê Khu Công nghiệp là từ 36 đến 60 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 242 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 269).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp và một (1) công ty liên kết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Tỉnh Bình Dương	Phát triển khu công nghiệp	100	100
Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Khai khoáng Thăng Long	Tỉnh Đồng Nai	Khai thác khoáng sản	100	100
Công ty TNHH Đầu tư KSB	Tỉnh Bình Dương	Hoạt động đầu tư, dịch vụ tài chính	100	100
Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	Tỉnh Bình Phước	Khai thác khoáng sản	100	100
Công ty Cổ phần Phú Nam sơn	Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp vật liệu xây dựng	50	50



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 17.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Kế toán máy tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

12/31
C
C
KHO
VÀ X
BÌNH
DƯƠNG

M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	6 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	38 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Đất và hạ tầng khu công nghiệp cho thuê	38 năm

Đối với các bất động sản đầu tư cho thuê dài hạn có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ mà doanh thu được ghi nhận một lần cho toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước như được trình bày tại Thuyết minh số 3.18, khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư này được ghi nhận toàn bộ một lần cùng thời điểm ghi nhận doanh thu.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến các dự án khu công nghiệp, mỏ đá, mỏ sét mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

Chi phí đền bù và chi phí cấp quyền khai thác

Chi phí đền bù và chi phí cấp quyền khai thác gắn liền với chi phí phát triển phát sinh trong quá trình khai mỏ khoáng vật và được vốn hóa như chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ dựa trên sản lượng khoáng vật được khai thác.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



30/06/2021
N
H
T
A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

30
11
Y
N
10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu từ cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Nhóm Công ty phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Y
U
I
L
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	2.332.561.718	2.022.786.883
Tiền gửi ngân hàng	25.738.597.715	130.237.135.370
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	10.520.184.950
TỔNG CỘNG	58.071.159.433	142.780.107.203

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi là 2,8%/năm.

Khoản tiền gửi ngân hàng trị giá 10.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	132.987.179.277	117.941.236.196
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	7.800.000.000	23.400.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ MDT</i>	<i>7.800.000.000</i>	<i>23.400.000.000</i>
Phải thu từ hoạt động kinh doanh	125.187.179.277	94.541.236.196
<i>Công ty TNHH Ngọc Lợi</i>	<i>31.764.027.094</i>	<i>11.510.445.107</i>
<i>Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Phát Lợi</i>	<i>14.692.810.719</i>	<i>4.079.060.880</i>
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Song Lộc</i>	<i>8.476.198.830</i>	<i>8.476.198.830</i>
<i>Công ty TNHH Ngọc Qui</i>	<i>1.431.030.476</i>	<i>2.415.950.453</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>68.823.112.158</i>	<i>68.059.580.926</i>
Dài hạn	15.600.000.000	-
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	15.600.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ MDT</i>	<i>15.600.000.000</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG	148.587.179.277	117.941.236.196
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 9)	(21.550.167.596)	(20.065.802.010)
GIÁ TRỊ THUẬN	127.037.011.681	97.875.434.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Mỏ Khoáng Sản	1.831.500.000	831.500.000
Trung tâm Nghiên cứu cơ điện mỏ	1.104.180.500	-
Khác	3.046.018.432	1.407.549.000
TỔNG CỘNG	5.981.698.932	2.239.049.000

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên khác	144.961.089.890	124.961.089.890
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	12.500.000.000	12.500.000.000
TỔNG CỘNG	157.461.089.890	137.461.089.890
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 9)	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
GIÁ TRỊ THUẬN	127.461.089.890	107.461.089.890

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Mercury	52.000.000.000	Từ ngày 1 tháng 9 năm 2021 đến ngày 7 tháng 11 năm 2021	12
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Tinh Vân	40.000.000.000	Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 4 tháng 1 năm 2022	12
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	Quá hạn	12
Cá nhân khác	20.000.000.000	Ngày 7 tháng 8 năm 2021	12
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	12.500.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	10
Công ty TNHH Huệ Minh	2.961.089.890	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	11
TỔNG CỘNG	157.461.089.890		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	669.919.593.143	919.739.878.836
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	443.920.000.000	723.320.000.000
Phải thu từ thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HTKD") (ii)	150.000.000.000	150.000.000.000
Tạm ứng đền bù đất (iii)	29.630.094.596	7.413.533.596
Lãi từ hợp tác kinh doanh (ii)	23.950.684.932	23.950.684.932
Phải thu lãi cho vay	11.362.786.376	3.990.574.628
Cổ tức	11.050.400.000	11.050.400.000
Khác	5.627.239	14.685.680
Dài hạn	339.654.939.342	31.055.139.053
Điều chuyển vốn (iv)	306.356.000.000	-
Kỳ quỹ phục hồi môi trường	33.298.939.342	31.055.139.053
TỔNG CỘNG	1.009.574.532.485	950.795.017.889
Trong đó:		
- Phải thu các bên khác	690.605.794.485	949.802.141.889
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	318.968.738.000	992.876.000

- (i) Khoản này thể hiện ủy thác đầu tư cho các cá nhân nhằm nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và các công ty khác. Một số cổ phiếu do các cá nhân này nắm giữ đã được dùng để thế chấp các trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 22.2).
- (ii) Đây là khoản phải thu từ thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt liên quan đến việc hợp tác và phát triển dự án thuộc tỉnh Bình Thuận.
Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc thanh lý HĐHTKD này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình làm việc với Danh Việt để hoàn tất việc thanh lý HĐHTKD và thu hồi khoản phải thu trên.
- (iii) Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên và quản lý chủ chốt để đền bù đất cho dự án mở rộng Khu Công nghiệp Đất Cước.
- (iv) Đây là khoản tiền điều chuyển vốn cho Công ty TNHH Đầu tư KSB nhằm nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

9.1 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	50.065.802.010	45.093.267.408
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.484.365.586	4.132.520.857
Số cuối kỳ	<u>51.550.167.596</u>	<u>49.225.788.265</u>

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

9.2 Nợ quá hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Song Lộc	8.476.198.830	(8.476.198.830)	-	8.476.198.830	(8.476.198.830)	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	4.999.416.150	(4.999.416.150)	-	4.999.416.150	(4.999.416.150)	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp	2.756.814.363	(2.756.814.363)	-	2.765.064.363	(2.551.915.732)	213.148.631	213.148.631
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.835.434.209	(5.317.738.253)	5.517.695.956	7.043.569.426	(4.038.271.298)	3.005.298.128	3.005.298.128
TỔNG CỘNG	57.067.863.552	(51.550.167.596)	5.517.695.956	53.284.248.769	(50.065.802.010)	3.218.446.759	3.218.446.759

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Thành phẩm (*)	18.719.525.982	38.800.420.109
Nguyên liệu, vật liệu	3.873.216.432	3.665.539.929
Công cụ, dụng cụ	164.505.000	299.052.900
Hàng hóa	146.973.672	178.374.789
TỔNG CỘNG	<u>22.904.221.086</u>	<u>42.943.387.727</u>

(*) Thành phẩm trị giá 10.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	4.642.634.315	5.071.535.114
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.805.140.775	1.682.745.726
Khác	2.837.493.540	3.388.789.388
Dài hạn	111.102.820.254	119.301.539.681
Chi phí cấp quyền khai thác	45.215.474.231	43.577.503.418
Chi phí đền bù	40.549.200.323	46.323.164.095
Khác	25.338.145.700	29.400.872.168
TỔNG CỘNG	<u>115.745.454.569</u>	<u>124.373.074.795</u>



Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
VND					
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	69.838.218.457	105.818.602.183	22.007.318.872	2.797.961.375	200.462.100.887
Mua trong kỳ	-	1.002.756.289	-	-	1.002.756.289
Thanh lý	-	(16.250.115.527)	-	-	(16.250.115.527)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	69.838.218.457	90.571.242.945	22.007.318.872	2.797.961.375	185.214.741.649
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	16.183.607.832	50.496.271.838	13.211.312.380	1.136.568.302	81.027.760.352
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(39.589.107.418)	(82.977.766.606)	(18.797.525.816)	(1.890.519.509)	(143.254.919.349)
Khấu hao trong kỳ	(1.501.291.247)	(3.019.844.105)	(404.495.982)	(194.938.642)	(5.120.569.976)
Thanh lý	-	14.378.920.017	-	-	14.378.920.017
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(41.090.398.665)	(71.618.690.694)	(19.202.021.798)	(2.085.458.151)	(133.996.569.308)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	30.249.111.039	22.840.835.577	3.209.793.056	907.441.866	57.207.181.538
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	28.747.819.792	18.952.552.251	2.805.297.074	712.503.224	51.218.172.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	VND		
	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020			
và ngày 30 tháng 6 năm 2021	82.524.399.107	859.829.199	83.384.228.306
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(23.618.916.001)	(393.544.256)	(24.012.460.257)
Khấu hao trong kỳ	(4.642.181.616)	(73.789.548)	(4.715.971.164)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(28.261.097.617)	(467.333.804)	(28.728.431.421)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	58.905.483.106	466.284.943	59.371.768.049
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	54.263.301.490	392.495.395	54.655.796.885

Công ty thuê máy móc và thiết bị quản lý theo các hợp đồng thuê tài chính kỳ ngày 15 tháng 5 năm 2018 và ngày 6 tháng 11 năm 2018 với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê lần lượt là 48 tháng và 60 tháng. Theo đó, Công ty có thể mua lại máy móc, thiết bị khi hết thời gian thuê. Các cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 22.2*.

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020			
và ngày 30 tháng 6 năm 2021	200.000.000	1.542.942.990	1.742.942.990
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	200.000.000	931.480.000	1.131.480.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(200.000.000)	(1.112.556.694)	(1.312.556.694)
Hao mòn trong kỳ	-	(93.077.166)	(93.077.166)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(200.000.000)	(1.205.633.860)	(1.405.633.860)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	430.386.296	430.386.296
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	337.309.130	337.309.130

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
VND					
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	40.973.916.770	1.607.721.600	-	24.864.812.597	67.446.450.967
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	46.582.514.063	31.055.009.376	-	77.637.523.439
Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng đã ghi nhận doanh thu một lần	-	(46.582.514.063)	(31.055.009.376)	-	(77.637.523.439)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	40.973.916.770	1.607.721.600	-	24.864.812.597	67.446.450.967
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	14.650.201.954	-	-	10.319.672.112	24.969.874.066
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(23.181.066.924)	(817.466.536)	-	(19.318.490.473)	(43.317.023.933)
Khấu hao trong kỳ	(632.340.000)	(46.603.668.293)	(31.055.009.376)	(725.864.226)	(79.016.881.895)
Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng đã ghi nhận doanh thu một lần	-	46.582.514.063	31.055.009.376	-	77.637.523.439
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(23.813.406.924)	(838.620.766)	-	(20.044.354.699)	(44.696.382.389)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	17.792.849.846	790.255.064	-	5.546.322.124	24.129.427.034
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	17.160.509.846	769.100.834	-	4.820.457.898	22.750.068.578

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong *Thuyết minh số 26.1 và 27.*

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tương đương với giá trị còn lại vào ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự án mở rộng Khu Công nghiệp Đất Cuốc (*)	304.228.541.678	380.584.541.708
Dự án mỏ đá Tam Lập	104.566.338.800	104.566.338.800
Dự án mỏ sét Phước Hòa	54.048.019.630	54.048.019.630
Dự án mỏ đá Tân Mỹ	18.405.072.418	20.505.072.418
Khác	7.597.342.205	4.493.852.987
TỔNG CỘNG	<u>488.845.314.731</u>	<u>564.197.825.543</u>

(*) Công ty đã dùng các tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng Khu Công nghiệp Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ("KCN Đất Cuốc") để làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 22.2).

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 17.1)	493.803.700.000	493.803.700.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 17.2)	53.000.000.000	53.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>546.803.700.000</u>	<u>546.803.700.000</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(30.944.615.101)	(28.488.277.419)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>515.859.084.899</u>	<u>518.315.422.581</u>



Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Phát triển Khu công nghiệp	Đang hoạt động	100	300.000.000.000	-	100	300.000.000.000	-
Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Khai khoáng Thăng Long	Khai thác khoáng sản	Đang hoạt động	100	103.803.700.000	-	100	103.803.700.000	-
Công ty TNHH Đầu tư KSB	Hoạt động đầu tư, dịch vụ tài chính	Đang hoạt động	100	50.000.000.000	-	100	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	Khai thác khoáng sản	Đang hoạt động	100	40.000.000.000	-	100	40.000.000.000	-
TỔNG CỘNG				493.803.700.000	-		493.803.700.000	-

17.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Cung cấp vật liệu xây dựng	Đang hoạt động	50	53.000.000.000	(30.944.615.101)	50	53.000.000.000	(28.488.277.419)

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ông Lại Duy Thanh	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	2.459.413.633	2.459.413.633
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Quỳnh Như	2.208.377.031	2.160.666.142
Các nhà cung cấp khác	12.750.754.622	15.603.440.608
TỔNG CỘNG	20.918.545.286	23.723.520.383

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.375.906.711	10.770.702.766	(21.375.906.711)	10.770.702.766
Thuế giá trị gia tăng	10.639.782.273	26.641.429.322	(13.597.084.411)	23.684.127.184
Thuế tài nguyên	2.445.671.600	14.882.935.340	(14.380.000.480)	2.948.606.460
Phí bảo vệ môi trường	1.274.322.672	5.230.451.759	(5.457.037.357)	1.047.737.074
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.677.599.341	(3.182.002.363)	495.596.978
Thuế khác	-	6.734.047.528	(6.734.047.528)	-
TỔNG CỘNG	35.735.683.256	67.937.166.056	(64.726.078.850)	38.946.770.462

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dịch vụ thu xếp vốn trái phiếu	8.295.454.546	12.610.038.546
Chi phí lãi vay	6.836.986.301	12.880.836.822
Khác	2.581.866.971	5.445.856.175
TỔNG CỘNG	17.714.307.818	30.936.731.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	42.037.130.627	16.513.073.315
Tiền nhận thanh toán thừa từ các cá nhân	14.556.000.000	-
Mượn tiền không lãi suất	10.000.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán Nội bộ Trực thuộc Hội Đồng Quản Trị và thưởng ban quản lý điều hành	8.223.165.270	7.680.909.348
Khác	9.257.965.357	8.832.163.967
Dài hạn	195.651.462.395	466.895.402.704
Điều chuyển vốn (i)	194.001.462.395	465.245.402.704
Ký quỹ, ký cược	1.650.000.000	1.650.000.000
TỔNG CỘNG	<u>237.688.593.022</u>	<u>483.408.476.019</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 32)</i>	194.001.462.395	465.245.402.704
- <i>Phải thu các bên khác</i>	43.687.130.627	18.163.073.315

(i) Đây là khoản tiền điều chuyển vốn từ các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.



Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
					VND
Ngắn hạn	348.972.408.652	98.761.108.238	(342.308.158.176)	6.664.250.476	112.089.609.190
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	90.944.076.203	98.761.108.238	(90.944.076.203)	-	98.761.108.238
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	13.328.500.952	-	(6.664.250.476)	6.664.250.476	13.328.500.952
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	250.000.000.000	-	(250.000.000.000)	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 22.3)	(5.300.168.503)	-	5.300.168.503	-	-
Dài hạn	292.713.807.289	335.719.818.182	4.988.419.192	(6.664.250.476)	626.757.794.187
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 22.3)	300.000.000.000	350.000.000.000	-	-	650.000.000.000
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 22.3)	13.689.186.076	-	-	(6.664.250.476)	7.024.935.600
Chi phí phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 22.2)	(20.975.378.787)	(14.280.181.818)	4.988.419.192	-	(30.267.141.413)
TỔNG CỘNG	641.686.215.941	434.480.926.420	(337.319.738.984)	-	738.847.403.377

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	98.761.108.238	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	Từ 5,5% đến 5,7%	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, Công ty con, tổng giá trị là 87.739.000.000 VND, hàng tồn kho trị giá 10.000.000.000 VND (Thuyết minh số 10) và tiền gửi có kỳ hạn trị giá 10.000.000.000 VND (Thuyết minh số 4)

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Nợ thuế tài chính

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
				Nợ gốc
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả				
Từ 1 năm trở xuống	14.700.504.855	1.372.003.903	13.328.500.952	1.894.334.461
Nợ thuế tài chính dài hạn				
Từ 1 – 5 năm	7.512.097.398	487.161.798	7.024.935.600	1.252.631.330
TỔNG CỘNG	22.212.602.253	1.859.165.701	20.353.436.552	3.146.965.791
			30.164.652.819	27.017.687.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 Trái phiếu phát hành

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (i)	350.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (ii)	300.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	250.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(30.267.141.413)</u>	<u>(26.275.547.290)</u>
TỔNG CỘNG	<u>619.732.858.587</u>	<u>523.724.452.710</u>
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn	619.732.858.587	279.024.621.213
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	244.699.831.497

- (i) Vào ngày 29 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành 3.500 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 350 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu) với kỳ hạn 3 năm.

Sau 18 (mười tám) tháng kể từ ngày phát hành, chủ sở hữu trái phiếu có quyền đề nghị Công ty mua lại trước hạn tối đa 10% tổng giá trị mệnh giá trái phiếu phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng:

- Các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cuốc (Thuyết minh số 16);
- 4.500.000 cổ phiếu VLB thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư KSB, công ty con của Công ty; và
- Các cổ phiếu của các cá nhân nắm giữ theo hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh số 8).

Các trái phiếu này chịu lãi suất 11,5%/năm cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,5%/năm, trong trường hợp lãi suất tham chiếu nhỏ hơn 6,5%/năm thì lãi suất trái phiếu áp dụng là 11%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo. Tiền lãi sẽ được trả theo kỳ 6 tháng.

- (ii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã phát hành 3.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 300 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu) với kỳ hạn 3 năm.

Sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày phát hành, Công ty có quyền đề nghị mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ trái phiếu, khoản gốc còn lại sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cuốc (Thuyết minh số 16).

Các trái phiếu này chịu lãi suất 11%/năm cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất tiền gửi huy động của ngân hàng cộng 3,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo. Tiền lãi sẽ được trả theo kỳ 6 tháng.

1488
IG T
PHÁ
ANG
AY D
H DƯ
AN-T

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	58.807.288.725	44.312.625.577
Trích lập (Thuyết minh số 25)	21.297.071.823	12.485.376.653
Sử dụng quỹ	<u>(17.748.080.078)</u>	<u>(22.830.803.396)</u>
Số cuối kỳ	<u>62.356.280.470</u>	<u>33.967.198.834</u>

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Dự phòng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường	24.185.658.973	173.828.340	-	24.359.487.313
Dự phòng trợ cấp thất nghiệp	<u>4.087.480.000</u>	<u>-</u>	<u>(313.650.000)</u>	<u>3.773.830.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>28.273.138.973</u>	<u>173.828.340</u>	<u>(313.650.000)</u>	<u>28.133.317.313</u>



Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn có phần	Thặng dư vốn có phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	537.798.820.000	1.658.500	(2.331.000.000)	110.287.090.595	494.805.649.142	1.140.562.218.237
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	88.841.827.168	88.841.827.168
Trích lập quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	8.918.126.180	(8.918.126.180)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.485.376.653)	(12.485.376.653)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(3.607.850.798)	(3.607.850.798)
Quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	537.798.820.000	1.658.500	(2.331.000.000)	119.205.216.775	555.636.122.679	1.210.310.817.954
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	669.684.780.000	1.658.500	(3.354.000.000)	143.065.833.039	583.789.132.212	1.393.187.403.751
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	93.684.860.365	93.684.860.365
Trích lập quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	-	12.771.970.754	(12.771.970.754)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(21.297.071.823)	(21.297.071.823)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán Nội bộ Trục thuộc Hội Đồng Quản Trị và thưởng ban quản lý điều hành (*)	-	-	-	-	(4.352.000.000)	(4.352.000.000)
Quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	669.684.780.000	1.658.500	(3.354.000.000)	155.837.803.793	636.052.950.000	1.458.223.192.293

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích lập quỹ đầu tư, phát triển là 7%, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 7% dựa trên lợi nhuận thuần trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, và Thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy Ban Kiểm toán Nội bộ Trục thuộc Hội Đồng Quản Trị là 2% dựa trên 50% lợi nhuận dự kiến của Công ty năm 2021 với số tiền là 140 tỷ VND và quỹ khác là 3 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

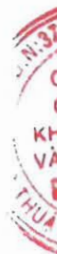
25.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	66.968.478	66.968.478
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.968.478	66.968.478
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(335.400)	(335.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.633.078	66.633.078

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>669.684.780.000</u>	<u>537.798.820.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng doanh thu	392.699.229.181	514.654.832.642
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	259.940.679.181	371.874.472.642
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần (*)	132.758.550.000	142.780.360.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(20.188.000)
Giảm giá hàng bán	-	(20.188.000)
Doanh thu thuần	392.699.229.181	514.634.644.642
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	259.940.679.181	371.854.284.642
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	132.758.550.000	142.780.360.000
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ các bên khác	259.631.679.181	371.545.284.642
Doanh thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	133.067.550.000	143.089.360.000

(*) Doanh thu cho thuê là doanh thu ghi nhận một lần đối với các tài sản cho thuê dài hạn có nhận trước tiền thuê của nhiều kỳ và có thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3.18. Nếu doanh thu từ việc cho thuê này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ theo thời gian cho thuê, thì ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp như sau:

	VND			
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	
	Doanh thu được ghi nhận một lần	Doanh thu được phân bổ theo thời gian cho thuê	Doanh thu được ghi nhận một lần	Doanh thu được phân bổ theo thời gian cho thuê
Doanh thu thuần	132.758.550.000	1.952.331.618	142.780.360.000	2.099.711.176
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(77.637.523.439)	(1.141.728.286)	(82.579.014.635)	(1.214.397.274)
Lợi nhuận gộp	55.121.026.561	810.603.332	60.201.345.365	885.313.902

01
ĐNC
ĐP
ĐÁN
CÁY
TH I
AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Cổ tức (Thuyết minh số 32)	48.734.553.532	-
Lãi tiền gửi và cho vay	9.265.534.421	8.132.983.746
TỔNG CỘNG	<u>58.000.087.953</u>	<u>8.132.983.746</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung cấp	181.523.794.098	233.991.956.392
Giá vốn kinh doanh đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	77.637.523.439	82.579.014.635
TỔNG CỘNG	<u>259.161.317.537</u>	<u>316.570.971.027</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	49.149.085.373	48.456.097.807
Khác	2.456.337.682	2.621.429.755
TỔNG CỘNG	<u>51.605.423.055</u>	<u>51.077.527.562</u>

825
 TY
 AN
 SÁP
 LUNG
 JONG
 BINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí bán hàng	15.324.243.233	17.024.453.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.274.777.574	11.581.185.214
Chi phí nhân viên	2.991.163.401	3.767.696.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	576.158.365	619.082.682
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	395.722.999	487.835.160
Chi phí khác	86.420.894	568.654.084
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.382.212.439	27.695.540.716
Chi phí nhân viên	11.656.718.168	10.882.635.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.459.495.544	9.552.718.083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	589.123.900	588.939.637
Chi phí khác	3.676.874.827	6.671.247.796
TỔNG CỘNG	<u>36.706.455.672</u>	<u>44.719.994.127</u>

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.244.901.355	124.991.055.342
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12, 13, 14 và 15)	88.946.500.201	94.057.337.039
Chi phí nhân viên	26.756.575.000	30.030.592.184
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.450.351.861	18.851.744.990
Chi phí khác	63.469.444.792	93.360.235.599
TỔNG CỘNG	<u>295.867.773.209</u>	<u>361.290.965.154</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.770.702.766	22.208.798.892
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	478.322.335	78.157.114
TỔNG CỘNG	11.249.025.101	22.286.956.006

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.933.885.466	111.128.783.174
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	20.986.777.093	22.225.756.635
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập cổ tức	(9.746.910.706)	-
Chi phí không được trừ	9.158.714	61.199.371
Chi phí thuế TNDN	11.249.025.101	22.286.956.006

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

370
 CC
 CC
 HO
 X
 BIN
 N A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>năm 2021</i>	<i>12 năm 2020</i>	<i>sáu tháng kết</i>	<i>sáu tháng kết</i>
			<i>thúc ngày</i>	<i>thúc ngày</i>
			<i>30 tháng 6</i>	<i>30 tháng 6</i>
			<i>năm 2021</i>	<i>năm 2020</i>
Phí cải tạo môi trường	4.871.897.463	4.837.131.795	34.765.668	34.765.668
Dự phòng trợ cấp thời việc	754.766.000	817.496.000	(62.730.000)	(99.868.000)
Chi phí phải trả	369.332.227	819.690.230	(450.358.003)	(13.054.782)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.995.995.690	6.474.318.025		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			(478.322.335)	(78.157.114)

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
			<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
			<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2021</i>	<i>năm 2020</i>
Công ty TNHH Đầu Tư KSB	Công ty con	Điều chuyển vốn	362.206.000.000	49.950.000.000
		Góp vốn	-	50.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng	132.758.550.000	142.780.360.000
		Điều chuyển vốn	90.000.000.000	77.841.601.000
		Lợi nhuận được chia	48.734.553.532	-
Cá nhân	Quản lý chủ chốt	Tạm ứng để đền bù đất	11.000.000.000	13.200.000.000
Công ty TNHH Cao Minh Long KSB	Công ty con	Điều chuyển vốn	3.951.970.918	427.501.304
		Bán hàng	309.000.000	309.000.000
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	Lãi cho vay	619.862.000	623.287.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long	Công ty con	Điều chuyển vốn	2.040.233.000	600.000.000
Công ty TNHH Huệ Minh	Công ty con đến ngày 24 tháng 12 năm 2020	Cho vay	-	1.900.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả dài hạn khác				
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	Điều chuyển vốn	170.815.543.876	398.101.688.103
Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long	Công ty con	Điều chuyển vốn	13.040.233.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Cao Lanh Minh Long KSB	Công ty con	Điều chuyển vốn	10.145.685.519	6.193.714.601
Công ty TNHH Đầu tư KSB	Công ty con	Điều chuyển vốn	-	49.950.000.000
TỔNG CỘNG			194.001.462.395	465.245.402.704
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Đầu tư KSB	Công ty con	Điều chuyển vốn	306.356.000.000	-
Cá nhân	Quản lý chủ chốt	Tạm ứng để đền bù đất	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.612.738.000	992.876.000
TỔNG CỘNG			318.968.738.000	992.876.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	Cho vay	12.500.000.000	12.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc		
Ông Phan Tấn Đạt	932.993.211	688.105.772
Ông Trần Đình Hà	770.949.820	377.053.258
Ông Nguyễn Quốc Phòng	558.741.915	529.611.014
Ông Nguyễn Hoàn Sơn	401.473.788	374.460.273
Ông Đặng Quang Thung	375.505.216	300.378.106
Ông Lương Võ Hùng	-	362.311.455
Ông Nguyễn Văn Đông	292.122.479	274.218.000
Ông Trần Ngọc Đình	118.800.000	162.000.000
Ông Hoàng Văn Lộc	-	397.903.432
Ông Tôn Thất Diên Khoa	162.000.000	162.000.000
Ông Dương Ngọc Hải	108.000.000	162.000.000
Thù lao Ủy ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT		
Ông Hoàng Nguyên Bình	162.000.000	162.000.000
Ông Lê Đình Vũ Long	308.621.391	-
Thù lao của Ban Kiểm Soát		
Ông Lê Công Sơn	-	108.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liễu	-	81.000.000
TỔNG CỘNG	4.191.207.820	4.141.041.310



33. CÁC CAM KẾT

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động các mỏ đá, mỏ sét và nhà xưởng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	587.875.759	2.070.659.839
Trên 1 - 5 năm	686.056.062	893.035.716
Trên 5 năm	1.338.939.244	1.505.858.100
TỔNG CỘNG	2.612.871.065	4.469.553.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty hiện đang cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	1.585.500.000	2.862.000.000
Trên 1 - 5 năm	-	206.000.000
TỔNG CỘNG	1.585.500.000	3.068.000.000

Cam kết các hợp đồng xây dựng

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng nhà cửa và vật kiến trúc và cơ sở hạ tầng khu công nghiệp với giá trị là 32.999.594.439 VND.

34. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19


Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 10:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu được 1 cổ phiếu phát hành thêm) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 66.627.240.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/BB-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2021/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 5 năm 2021. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty cũng đang trong quá trình đệ trình hồ sơ đăng ký thay đổi vốn điều lệ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương để đăng ký việc tăng vốn điều lệ như trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.


Lương Trọng Tín
Người lập


Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng


Trần Đình Hà
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 8 năm 2021